

T, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Số: 34/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Phú C, sinh ngày 28/8/2021 (Cháu C hiện đang ở cùng anh N). Anh Trần Văn N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Trung K, sinh ngày 07/6/2019. Anh N, chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H chịu 150.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số: 0000493 ngày 14/3/2023 của Chi cục N hành án dân sự huyện T. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 150.000đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được N hành theo quy định tại Điều 2 Luật N hành án dân sự, người phải N hành án có quyền thỏa thuận N hành án, quyền yêu cầu N hành án, tự nguyện N hành án hoặc bị cưỡng chế N hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật N hành án dân sự; thời hiệu N hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật N hành án dân sự”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Đã ký

Mâu Văn Mùi